

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 – THANH HÓA **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2026

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN khu vực 3 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thanh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nguyên và bà Trịnh Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” thụ lý số 23/2026/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXX- ST, ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Q** - Sinh năm 1997;

Địa chỉ: **Thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Anh T** - Sinh năm 1997;

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.**

Chị **Q**, anh **T** vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị **Lê Thị Q** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **Lê Thị Q** và anh **Nguyễn Anh T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T** (nay là xã **T**), tỉnh **Thanh Hóa** cấp ngày 30/6/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng đã sinh sống tại **Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.**

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn đến khoảng đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, đến tháng 8 năm 2025 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị **Q** đã về nhà bố mẹ đẻ của chị **Q** tại **thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa** để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo, không ai quan tâm đến ai. Nay chị **Q** xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Anh T**.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị **Q** và anh **T** không có con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị **Q** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh **Nguyễn Anh T** theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. **Anh T** đã nhận đầy đủ các thủ tục nhưng không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn và không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị **Lê Thị Q** và anh **Nguyễn Anh T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T** (nay là xã **T**, tỉnh **Thanh Hóa**) cấp ngày 30/6/2021. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn đến khoảng đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đến tháng 8 năm 2025 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị **Q** đã về nhà bố mẹ đẻ của chị **Q** tại **thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa** để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo, không ai quan tâm đến ai. Nay chị **Q** xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Anh T**.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị **Q** là có cơ sở, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **Lê Thị Q** được ly hôn với anh **Nguyễn Anh T**.

[3] Về con chung: Chị **Q** và anh **T** không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Q** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Q** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị Q** được ly hôn với anh **Nguyễn Anh T.**
2. Về án phí: Chị **Lê Thị Q** chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000664 ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Thanh Hóa.
4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS Khu vực 3;
- Phòng thi hành án DS Khu vực 3;
- UBND xã Tân Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đặng Thanh Tuấn